

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN: ĐỊA LÍ 9

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức: Học sinh nắm được kiến thức về Địa lí dân cư, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phát triển, phân bố, vai trò của ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.
2. Kỹ năng: Học sinh vận dụng được kiến thức để làm bài.
3. Thái độ: Học tập chăm chỉ, yêu thích bộ môn.

II. PHẠM VI ÔN TẬP:

- Bài 1: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam
Bài 2: Dân số và gia tăng dân số
Bài 4: Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống
Bài 6: Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam
Bài 7: Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp
Bài 8: Sự phát triển và phân bố nông nghiệp
Bài 9: Sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản
Bài 11: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp
Bài 12: Sự phát triển và phân bố công nghiệp
Bài 13: Vai trò đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ

III. NỘI DUNG ÔN TẬP:

*** Dạng bài: 100% trắc nghiệm**

*** Một số câu trắc nghiệm minh họa**

Câu 1: Các dân tộc ít người có số dân trên một triệu người ở nước ta, gồm:

- A. Tày, Thái, Mường, Khơ-me B. Ê-đê, Ba -na, Gia-rai, Vân Kiều.
C. Chăm, Hoa, Nùng, Mông D. Dao, Cơ-ho, Sán Dìu, Hrê.

Câu 2: Sự gia tăng dân số nước ta hiện nay không có đặc điểm

- A. tỉ lệ sinh tương đối thấp và đang giảm chậm
B. tỉ lệ tử vong giữ ổn định ở mức tương đối thấp
C. mức tăng dân số tương đương với mức tăng dân số trung bình của thế giới.
D. tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp hơn mức trung bình chung của thế giới.

Câu 3 : Cho bảng số liệu:

Sản lượng than sạch, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2005 – 2014.

Sản phẩm	2005	2009	2012	2014
Than sạch (nghìn tấn)	34 093	44 087	42 083	41 086
Dầu thô (nghìn tấn)	18 519	16 360	16 739	17 392
Điện (triệu kWh)	52 078	80 643	115 147	141 250

Nhận xét nào dưới đây là đúng?

- A. Sản lượng than sạch tăng liên tục.
B. Than sạch có sản lượng tăng nhanh nhất.
C. Giai đoạn 2005 – 2014, sản lượng dầu thô tăng.
D. Sản lượng điện tăng nhanh và liên tục.

Câu 4: Để phát triển công nghiệp hóa, ngành công nghiệp nào sau đây cần đi trước một bước so với các ngành khác?

- A. Công nghiệp điện tử. B. Công nghiệp hóa chất.
C. Công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm. D. Công nghiệp năng lượng.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Sản lượng than sạch, dầu thô và điện của nước ta giai đoạn 2005 – 2014.

Sản phẩm	2005	2009	2012	2014
Than sạch (nghìn tấn)	34 093	44 087	42 083	41 086
Dầu thô (nghìn tấn)	18 519	16 360	16 739	17 392
Điện (triệu kWh)	52 078	80 643	115 147	141 250

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp nước ta giai đoạn 2005 – 2014, biểu đồ thích hợp nhất là

- A. biểu đồ cột. B. biểu đồ miền.
C. biểu đồ đường. D. biểu đồ kết hợp cột và đường.

Câu 6: Năm 2019, Dân tộc kinh chiếm khoảng bao nhiêu % dân số?

- A. 85,3% B. 86,3% C. 87,3% D. 88,3%

Câu 7: Ngành công nghiệp nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta?

- A. Công nghiệp điện. B. Công nghiệp khai thác nhiên liệu.
C. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm. D. Công nghiệp dệt may.

Câu 8: Trung du miền núi Bắc Bộ là địa bàn cư trú của các dân tộc

- A. Tày, Nùng, Dao, Thái, Mông B. Tày, Nùng, Ê – Đê, Ba -Na
C. Tày, Nùng, Gia-rai, Mơ nông D. Dao, Nùng, Chăm, Hoa

Câu 9: Duyên Hải Nam Trung bộ và Nam Bộ là địa bàn cư trú của các dân tộc

- A. Chăm, Khơ-me B. Vân Kiều, Thái
C. Ê – đê, Mường D. Ba-na, Cơ – ho

Câu 10: Hoạt động dịch vụ của nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chiếm tỉ trọng không đáng kể trong cơ cấu.
B. Phát triển khá nhanh, có khả năng vươn lên tầm quốc tế và khu vực.
C. Có khả năng thu lợi nhuận và thu hút đầu tư nước ngoài cao.
D. Phát triển theo xu thế đa dạng hóa các loại hình dịch vụ.

Câu 11: Dân số nước ta năm 2019 khoảng

- A. 94 Triệu người B. 95 triệu người C. 96 triệu người D. 97 triệu người

Câu 12: Kết quả của công cuộc Đổi mới đã tác động như thế nào đến nền kinh tế nước ta?

- A. Nền kinh tế phát triển chậm, thiếu ổn định, lạm phát gia tăng.
B. Thu hút đầu tư nước ngoài, tạo việc làm cho người lao động.
C. Phụ thuộc chặt chẽ vào nước ngoài, gia tăng lạm phát.
D. Thoát khỏi khủng hoảng, từng bước ổn định và phát triển.

Câu 13: Sự phân bố của ngành dịch vụ phụ thuộc chặt chẽ vào

- A. lao động trình độ cao. B. tài nguyên thiên nhiên.
C. đường lối chính sách. D. phân bố dân cư.

Câu 14: Dịch vụ không phải là ngành

- A. gồm dịch vụ sản xuất, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ công cộng.
B. đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của con người.
C. trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội.
D. nền kinh tế càng đa dạng dịch vụ càng phát triển.

Câu 15: Lĩnh vực dịch vụ nào của nước ta thu hút nhiều công ty nước ngoài đầu tư?

- A. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. B. Quản lí nhà nước, du lịch, giáo dục.
C. Kinh doanh tài sản, dịch vụ sửa chữa. D. Đoàn thể và bảo hiểm bắt buộc.

Câu 16 : Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỷ trọng ngành nông , lâm , ngư nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ
B. giảm tỉ trọng lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỉ trọng lao độngn trong ngành công nghiệp và dịch vụ .
C. giảm tỷ trọng trong tất cả các ngành .
D. tăng tỷ trọng trong tất cả các ngành

Câu 17: Phân theo trình độ, nguồn lao động nước ta chủ yếu là

- A. đã qua đào tạo B. lao động trình độ cao
C. lao động đơn giản D. tất cả chưa qua đào tạo.

Câu 18: Công cuộc Đổi mới của nước ta bắt đầu diễn ra vào năm nào?

- A. 1976. B. 1954 C. 1986. D. 2000.

Câu 19: Ý nào sau đây không phải là biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta?

- A. Chuyển dịch cơ cấu ngành. B. Chuyển dịch cơ cấu thành phần.
C. Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ. D. Chuyển dịch cơ cấu theo tuổi.

Câu 20: Sau đổi mới, cơ cấu ngành kinh tế nước ta có sự chuyển dịch theo hướng

- A. tăng nhanh tỉ trọng khu vực dịch vụ.
B. giảm tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng.
C. giảm tỉ trọng khu vực nông – lâm – ngư nghiệp.
D. khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao và có xu hướng giảm.

Câu 21: Tài nguyên nào được xem là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp?

- A. Đất trồng. B. Khí hậu. C. Nguồn nước. D. Sinh vật.

Câu 22: Hai nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta là

- A. đất phù sa, đất feralit. B. đất mặn, đất mùn núi cao.
C. đất badan, đất cát ven biển. D. đất mùn thô, đất xám phù sa cổ.

Câu 23: Nước ta trồng nhiều loại cây có nguồn gốc nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới là do

- A. gió mùa hoạt động mạnh. B. khí hậu phân hóa đa dạng.
C. nguồn nhiệt, ẩm dồi dào. D. mùa khô kéo dài sâu sắc

Câu 24: Khó khăn nào của thị trường ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp nước ta?

- A. Nhu cầu về nông sản ngày càng tăng. B. Thị trường ngày càng được mở rộng.
C. Sự bất ổn của thị trường xuất khẩu. D. Mở rộng buôn bán với nhiều nước.

Câu 25: Sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta được biểu hiện là

- A. tăng tỉ trọng cây công nghiệp thấp nhất và có xu hướng giảm.
B. tăng tỉ trọng cây công nghiệp, giảm tỉ trọng cây lương thực.
C. tăng tỉ trọng cây lương thực, giảm tỉ trọng cây công nghiệp.
D. tỉ trọng cây lương thực cao nhất và có xu hướng tăng nhanh.

Câu 26: Trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt: tỉ trọng cây công nghiệp tăng, tỉ trọng cây lương thực giảm. Điều này thể hiện điều gì?

- A. Ngành trồng trọt của nước ta không còn phát triển.

- B. Phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới.
- C. Cây lương thực không có vai trò quan trọng như trước.
- D. Giá trị sản xuất của ngành trồng trọt sẽ ngày càng giảm.

Câu 27: Đầu không phải đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm nước ta?

- A. Chiếm tỉ trọng thấp trong giá trị sản lượng công nghiệp.
- B. Thúc đẩy sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. Phát triển dựa trên những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và nguồn lao động.
- D. Đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ lực.

Câu 28: Hai vùng trọng điểm sản xuất lúa lớn nhất nước ta là

- A. đồng bằng sông Hồng, đồng bằng ven biển miền Trung.
- B. đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.
- C. đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng ven biển miền Trung.
- D. đồng bằng Thanh Hóa – Nghệ An, đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 29: Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất của nước ta là

- A. duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.
- B. trung du miền núi Bắc Bộ và Đông Nam Bộ.
- C. đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.
- D. đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.

Câu 30 Hiện nay, chăn nuôi bò sữa nước ta có xu hướng phát triển mạnh ở

- A. các cao nguyên badan.
- B. các vùng núi cao.
- C. các vùng đồng bằng ven biển.
- D. ven các thành phố lớn.

Câu 31: Hình thức chăn nuôi đang được mở rộng phát triển ở nhiều địa phương nước ta là

- A. chăn nuôi chăn thả.
- B. chăn nuôi công nghiệp.
- C. chăn nuôi trường trại.
- D. chăn nuôi nửa chuồng trại.

Câu 32: Đặc điểm không phải của ngành chăn nuôi nước ta là

- A. chăn nuôi theo hình thức công nghiệp đang được mở rộng.
- B. cơ cấu ngành chăn nuôi ngày càng đa dạng.
- C. giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ngày càng tăng.
- D. chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

Câu 33: Loại rừng nào dưới đây thuộc rừng sản xuất?

- A. Các dải rừng ngập mặn ven biển.
- B. Khu dự trữ thiên nhiên.
- C. Rừng gỗ thông nhựa.
- D. Các vườn quốc gia.

Câu 34: Đầu không phải vai trò của các ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.
- B. Thúc đẩy sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. Tạo ra nguồn hàng xuất khẩu.
- D. Tạo ra mối liên kết giữa các vùng kinh tế.

Câu 35: Vai trò quan trọng nhất của rừng phòng hộ là

- A. cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến.
- B. đem lại mặt hàng xuất khẩu có giá trị.
- C. hạn chế thiên tai, lũ lụt; chắn cát, chắn sóng ven biển.
- D. tạo việc làm, đem lại thu nhập cho người dân

Câu 36: Nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta phát triển thuận lợi ở

- A. các hệ thống sông, suối, ao hồ.
- B. các vũng, vịnh và vùng biển ven các đảo.
- C. các ngư trường trọng điểm.
- D. các bãi triều, đầm phá, dải rừng ngập mặn.

Câu 37: Đặc điểm nào của tài nguyên khoáng sản là cơ sở để nước ta phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Phân bố rộng khắp. B. Chúng loại đa dạng.
C. Chất lượng tốt. D. Trữ lượng lớn.

Câu 38: Các loại khoáng sản nhiên liệu là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp

- A. sản xuất hàng vật liệu xây dựng. B. chế biến thực phẩm.
C. sản xuất hàng tiêu dùng. D. năng lượng.

Câu 39: Khoáng sản phi kim loại là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp

- A. năng lượng. B. hóa chất. C. luyện kim. D. vật liệu xây dựng.

Câu 40: Các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta là

- A. năng lượng, chế biến lương thực thực phẩm, dệt may.
B. luyện kim, hóa chất, sản xuất vật liệu xây dựng.
C. luyện kim màu, khai thác than, dệt may.
D. hóa chất, luyện kim, chế biến lâm sản.

Long Biên, ngày 16 tháng 10 năm 2021

Người lập đề cương

NHÓM TRƯỞNG

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Phạm Thị Hương

Phạm Thị Hương

Cao Thị Phương Anh